

TIME EXPRESSIONS

I. Match words with its VN meaning.

month

giờ

year

năm

day

tháng

week

phút

second

ngày tháng

minute

tuần

hour

ngày

date

giờ

II. Choose the correct answer.

- a. next month:
- b. last week:
- c. tonight:
- d. last night:
- e. next year:
- f. the day before yesterday:
- g. tomorrow:
- h. 20 minutes ago:
- i. 3 days ago:
- j. in 2015:
- k. 2015 years ago:

III. Choose the correct answer.

- a. hôm qua:
- b. được 20 giây rồi:
- c. được 3 năm rồi:
- d. kể từ lúc 9 giờ tối:
- e. 3 tháng nữa:
- f. được 2 tuần rồi:
- g. kể từ sáng nay:
- h. thứ 6 vừa rồi:
- g. cuối tuần này:

IV. Choose the right answer.

- a minute = 60
- a day = 24
- 7 days = a
- a year = 12
- 3600 seconds = 60
- 60= an hour
- 2= 120 minutes
- 48 hours = 2

IV. Write these phrases in English.

- Tối nay:
- Tối hôm qua:
- Kể từ năm 1700:
- Tuần trước:
- Tháng sau:
- Ngày hôm qua:
- Ngày hôm kia:
- Năm ngoái:
- 10 năm trước
- Tuần sau:
- Năm sau:
- 25 phút trước:
- 10 năm nữa:

V. Choose correct answer.

- Ngày mốt
- Hai ngày nữa:
- Ba tháng trước:
- 10 giây trước:
- 20 ngày nữa:
- tháng 12 vừa rồi:
- mùa hè tới:
- hè vừa rồi: